

初級籃球教練班 (第二班) 進入實習之教練名單：

No.	班號	中文姓名	英文姓名	性別	出席證書	出席證書編號	可進入實習階段
1	18	卞志城	BIN CHI SHING	M	✓	11-E120	
2	19	陳志龍	CHAN CHI LUNG	M	✓	11-E121	✓
3	20	陳朝偉	CHAN CHIU WAI	M	✓	11-E122	✓
4	21	陳楚峰	CHAN CHO FUNG	M	✓	11-E123	✓
5	22	陳傳威	CHAN CHUEN WAI	M	✓	11-E124	✓
6	23	陳灝恩	CHAN HO YAN	M	✓	11-E125	✓
7	24	陳競斌	CHAN KING PAN	M	✓	11-E126	✓
8	25	陳銘	CHAN MING	M	✓	11-E127	✓
9	26	陳栢陽	CHAN PAK YEUNG	M	✓	11-E128	✓
10	1	陳詠思	CHAN WING SZE	F	✓	11-E129	✓
11	27	張梓賢	CHANG TSZ YIN	M	✓	11-E130	✓
12	28	周子健	CHAU TSZ KIN	M	✓	11-E131	✓
13	29	鄭澤	CHENG CHAK	M	✓	11-E132	✓
14	30	鄭家傑	CHENG KA KIT	M	✓	11-E133	✓
15	2	鄭颯欣	CHENG KWOK YAN	F	✓	11-E134	✓
16	31	張偉康	CHEUNG WAI HONG	M	✓	11-E135	✓
17	32	趙衍維	CHIU HIU WAI	M	✓	11-E136	✓
18	33	蔡浩然	CHOI HO YIN	M	✓	11-E137	✓
19	34	周希彥	CHOW HEI YIN	M	✓	11-E138	✓
20	3	仇文瑛	CHOW MAN YING	F	✓	11-E139	✓
21	36	朱達倫	CHU TAT LUN	M	✓	11-E140	✓
22	37	鍾紹剛	CHUNG SIU KWONG	M	✓	11-E141	✓
23	38	馮毅	FENG YI	M	✓	11-E142	✓
24	39	霍佳佑	FOK KAI YAU	M	✓	11-E143	✓
25	40	何振然	HO CHUN YIN	M	✓	11-E144	✓
26	41	何國亨	HO KWOK HANG	M	✓	11-E145	✓
27	42	何耀基	HO YIU KEI	M	✓	11-E146	✓
28	43	韓旭健	HON YUK KIN	M	✓	11-E147	✓
29	44	黃灝賢	HUANG HO YIN	M	✓	11-E148	
30	45	許文豪	HUI MAN HO	M	✓	11-E149	✓
31	46	葉嘉浩	IP KA HO	M	✓	11-E150	✓
32	4	葉亦榮	IP YIK WING	F	✓	11-E151	✓
33	5	高穎琳	KO WING LAM	F	✓	11-E152	✓
34	47	江子楊	KONG TSZ YEUNG	M	✓	11-E153	✓
35	48	郭志偉	KWOK CHI WAI	M	✓	11-E154	✓
36	49	鄺贊鴻	KWONG TSAN HUNG	M	✓	11-E155	✓
37	50	賴炳森	LAI PING SUM	M	✓	11-E156	✓
38	6	林秋萍	LAM CHAU PING	F	✓	11-E157	✓
39	7	林碧怡	LAM PIK YI	F	✓	11-E158	✓
40	51	林承熹	LAM SHING HEI	M	✓	11-E159	✓
41	52	劉朝進	LAU CHIU CHUN	M	✓	11-E160	✓
42	53	留棟梁	LAU TONG LEUNG	M	✓	11-E161	✓
43	54	劉子禮	LAU TSZ LAI	M	✓	11-E162	✓
44	55	羅福富	LAW FUK FU	M	✓	11-E163	✓
45	56	李皓峰	LEE HO FUNG	M	✓	11-E164	✓
46	8	李淑娟	LEE SUK KUEN	F	✓	11-E165	✓
47	57	梁柱坤	LEUNG CHUE KWUN	M	✓	11-E166	✓
48	58	梁鎮軒	LEUNG CHUN HIN	M	✓	11-E167	✓
49	9	梁頌恩	LEUNG CHUNG YAN	F	✓	11-E168	

初級籃球教練班 (第二班) 進入實習之教練名單：

No.	班號	中文姓名	英文姓名	性別	出席證書	出席證書編號	可進入實習階段
50	59	梁懷望	LEUNG WAI MONG	M	✓	11-E169	✓
51	60	梁宏強	LEUNG WANG KEUNG	M	✓	11-E170	
52	61	李尚豪	LI SHEUNG HO	M	✓	11-E171	✓
53	63	盧致誠	LO CHI SHING	M	✓	11-E172	✓
54	10	盧嘉賢	LO KA YIN	F	✓	11-E173	✓
55	64	羅澤強	LOW CHAK KEUNG	M	✓	11-E174	✓
56	65	呂志明	LUI CHI MING	M	✓	11-E175	✓
57	66	呂志仁	LUI CHI YAN	M	✓	11-E176	✓
58	67	馬卓恒	MA CHEUK HANG	M	✓	11-E177	✓
59	11	馬思韻	MA SZE WAN	F	✓	11-E178	
60	12	吳雅媛	NG NGA WUN	F	✓	11-E179	✓
61	68	吳栢倫	NG PAK LUN	M	✓	11-E180	
62	13	吳子麗	NG TSZ LAI	F	✓	11-E181	✓
63	69	彭奇崗	PANG KI KONG	M	✓	11-E182	✓
64	70	彭一迪	PANG YAT TIK	M	✓	11-E183	✓
65	71	潘嘉駿	PUN KA CHUN	M	✓	11-E184	✓
66	72	潘田啟	PUN TIN KAI	M	✓	11-E185	✓
67	73	蕭俊傑	SIU CHUN KIT	M	✓	11-E186	
68	74	蘇志樂	SO CHI LOK	M	✓	11-E187	✓
69	14	唐雅婷	TONG NGA TING	F	✓	11-E188	✓
70	75	曾超豪	TSANG CHIU HO	M	✓	11-E189	✓
71	76	曾琪宏	TSANG KI WANG	M	✓	11-E190	✓
72	77	謝振豪	TSE CHUN HO	M	✓	11-E191	✓
73	78	蔡志浩	TSOI CHI HO	M	✓	11-E192	✓
74	79	黃楨洵	WONG CHING TO	M	✓	11-E193	✓
75	80	黃浩楠	WONG HO NAM	M	✓	11-E194	✓
76	81	黃敬廷	WONG KING TING KEITH	M	✓	11-E195	✓
77	82	王文勇	WONG MAN YUNG	M	✓	11-E196	✓
78	83	黃偉強	WONG WAI KEUNG	M	✓	11-E197	✓
79	84	王泳強	WONG WING KEUNG	M	✓	11-E198	✓
80	15	黃詠彥	WONG WING YIN	F	✓	11-E199	✓
81	16	黃蕊珊	WONG YUI SHAN	F	✓	11-E200	✓
82	17	黃玉娟	WONG YUK KUEN	F	✓	11-E201	✓
83	85	胡卓濠	WU CHEUK HO	M	✓	11-E202	✓
84	86	楊勁峰	YANG KING FUNG	M	✓	11-E203	✓
85	87	易俊偉	YIK CHUN WAI	M	✓	11-E204	✓
86	88	葉劍霆	YIP KIM TING	M	✓	11-E205	✓
87	89	葉健榮	YIP KIN WING	M	✓	11-E206	✓